

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phương Hạnh
Ông Lê Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Trương Ngọc T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà Phan Thị Ngọc T và ông Trương Ngọc T1 chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 25-7-2012.

Sau khi về chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, bắt

đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2024.

Nay, bà Phan Thị Ngọc T khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Trương Ngọc T1.

- Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trương Ngọc T1 có 02 con chung là cháu Trương Ngọc T2, sinh ngày 17-3-2013 và cháu Trương Thị Thảo N, sinh ngày 02-11-2017. Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Tất cả các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Phan Thị Ngọc T và ông Trương Ngọc T1 là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của nguyên đơn là hợp lệ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương

sự theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trương Ngọc T1 chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 25-7-2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày: Sau khi về chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, không có sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà T và ông T1 cũng đã ly thân từ năm 2024 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua lời khai của bà T cũng như kết quả xác minh do Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì thấy rằng bà T và ông T1 đã ly thân từ năm 2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa làm việc nhưng ông T1 vẫn vắng mặt cho thấy ông T1 không có mong muốn hàn gắn gia đình. Như vậy, hôn nhân của bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của bà T đề nghị được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc T và ông Trương Ngọc T1 có 02 con chung là cháu Trương Ngọc T2, sinh ngày 17-3-2013 và cháu Trương Thị Thảo N, sinh ngày 02-11-2017.

Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cháu N và cháu T2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà T. Theo trình bày của bà T, cháu N và cháu T2 thì hiện nay hàng ngày ông T1 là người đưa các cháu đi học, sau đó bà T sẽ là người đưa đón các cháu về.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu N là con gái và cháu T2 là con trai nên việc giao cháu N cho bà T và giao cháu T2 cho ông T1 nuôi dưỡng sẽ là người am hiểu tâm sinh lý của các cháu. Bà T và ông T1 đều có thu nhập, nhà ở nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cả bà T, ông T1 đều có sự gắn bó, thân thiết với các con. Vì vậy, sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của cháu N, cháu T2 đồng thời cũng để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu. Căn cứ Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu N cho bà T trực

tiếp nuôi dưỡng và cháu T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết nội dung vụ án phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 4, Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T với ông Trương Ngọc T1 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Trương Ngọc T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Trương Ngọc T2, sinh ngày 17-3-2013 cho ông Trương Ngọc T1 và giao cháu Trương Thị Thảo N, sinh ngày 02-11-2017 cho bà Phan Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị T và ông Trương Ngọc T1 được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000453 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, bà T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 12, TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 12, TP Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tam Long, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hoa

